

THÔNG TƯ LIÊN TỊCH
Hướng dẫn giao, nhận và hoàn trả
vốn đầu tư lưới điện hạ áp nông thôn

Căn cứ Nghị định số 189/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2007 của Chính phủ về quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Nghị định số 118/2008/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2008 của Chính phủ về quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Luật Điện lực ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Quyết định số 21/2009/QĐ-TTg ngày 12 tháng 02 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc giá bán điện năm 2009 và các năm 2010 - 2012 theo cơ chế thị trường;

Thực hiện công văn số 1287/VPCP-KTN ngày 02 tháng 03 năm 2009 của Văn phòng Chính phủ về việc hướng dẫn thực hiện giao, nhận và hoàn trả vốn lưới điện hạ áp nông thôn;

Liên Bộ: Công Thương, Tài chính hướng dẫn việc giao, nhận và hoàn trả vốn đầu tư lưới điện hạ áp nông thôn như sau:

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Thông tư này quy định về phương pháp xác định giá trị tài sản lưới điện hạ áp nông thôn trong giao nhận; phương thức hoàn trả vốn và nguồn vốn hoàn trả lưới điện hạ áp nông thôn; trình tự giao nhận, quản lý và hoàn trả vốn tài sản lưới điện hạ áp nông thôn.

2. Thông tư này áp dụng đối với chủ sở hữu tài sản lưới điện hạ áp nông thôn (sau đây gọi tắt là Bên Giao), các Công ty Điện lực thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam (sau đây gọi tắt là Bên nhận) và các tổ chức, cá nhân có liên quan

đến hoạt động giao nhận và hoàn trả vốn đầu tư lưới điện hạ áp nông thôn (sau đây viết tắt là LDHANT) theo hướng dẫn tại Thông tư này.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. *Tài sản lưới điện hạ áp nông thôn giao nhận* bao gồm phần lưới điện có điện áp đến 0,4 kV gồm đường trục và nhánh rẽ được xác định từ thiết bị đóng cắt tổng (cầu dao, áp tô mát) phía thứ cấp của máy biến áp 6÷35/0,4 kV cấp điện cho các thôn, xã đến công tơ đo đếm điện năng hộ sử dụng điện nông thôn, thuộc tài sản của các tổ chức quản lý điện nông thôn đang quản lý được chuyển giao cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) quản lý và bán điện trực tiếp đến hộ nông thôn.

2. *Bên giao* là chủ sở hữu hoặc đại diện hợp pháp chủ sở hữu tài sản LDHANT (Công ty trách nhiệm hữu hạn, Công ty cổ phần, doanh nghiệp tư nhân, Ban quản lý dự án của các địa phương, hợp tác xã, cá nhân) tự nguyện bàn giao hay thuộc đối tượng bắt buộc bàn giao theo quyết định của UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (do không có đủ điều kiện kinh doanh bán điện theo biểu giá điện sinh hoạt bậc thang theo quy định tại Điều 4 Quyết định số 21/2009/QĐ-TTg ngày 12 tháng 02 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về giá bán điện năm 2009 và các năm 2010 – 2012 theo cơ chế thị trường và Điều 4 Thông tư số 05/2009/TT-BCT ngày 26 tháng 2 năm 2009 của Bộ Công Thương quy định về giá bán điện năm 2009 và hướng dẫn thực hiện).

Trường hợp không xác định được chủ sở hữu tài sản LDHANT, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chỉ định cơ quan, tổ chức có liên quan làm đại diện Bên giao.

3. *Bên nhận* là các Công ty Điện lực thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam hoặc Điện lực tỉnh, thành phố được Công ty Điện lực uỷ quyền; các Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Điện lực do Tập đoàn Điện lực Việt Nam nắm giữ 100% vốn điều lệ.

Điều 3. Trách nhiệm của Bên giao và Bên nhận

1. Trách nhiệm Bên giao

Bên giao có trách nhiệm:

- Chuẩn bị đầy đủ hồ sơ, chứng từ theo qui định tại Điều 4 của Thông tư này, chủ trì cùng Bên nhận thực hiện kiểm kê, đánh giá giá trị còn lại của LDHANT; xác định cơ cấu các nguồn vốn đầu tư LDHANT.

- Thực hiện bàn giao tài sản LDHANT và các hồ sơ có liên quan, tạo điều kiện thuận lợi cho việc tiếp nhận, quản lý, vận hành của Bên nhận.

- Thông báo công khai cho dân và các bên liên quan biết phần vốn vay, vốn huy động, vốn đầu tư đã được chấp nhận hoàn trả và thực hiện hoàn trả theo quy định. Đồng thời có trách nhiệm hoàn trả vốn cho dân và các Bên liên quan theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

2. Trách nhiệm Bên nhận

Bên nhận có trách nhiệm:

- Cùng với Bên giao kiểm kê, đánh giá giá trị còn lại của tài sản bàn giao; xác định cơ cấu nguồn vốn đầu tư lưới điện bàn giao;

- Thực hiện tiếp nhận, quản lý lưới điện và các hồ sơ có liên quan. Sau khi nhận tài sản LDHANT bàn giao thực hiện hạch toán tăng tài sản và tăng vốn thuộc nguồn vốn nhà nước hoặc hoàn trả vốn, hoặc nhận nợ vay theo Quyết định của cơ quan có thẩm quyền;

- Tổ chức quản lý vận hành, cải tạo lưới điện theo đúng quy định của pháp luật. Lập kế hoạch và thực hiện việc hoàn trả vốn theo qui định tại Điều 7, Điều 8 của Thông tư này.

Chương II

HỒ SƠ GIAO NHẬN VÀ PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN LƯỚI ĐIỆN HẠ ÁP NÔNG THÔN TRONG GIAO NHẬN

Điều 4. Hồ sơ giao nhận

Hồ sơ giao nhận tài sản LDHANT gồm có hồ sơ gốc theo qui định và hồ sơ được lập tại thời điểm giao, nhận. Cụ thể như sau:

1. Hồ sơ gốc bao gồm:

- a) Quyết định đầu tư, thiết kế kỹ thuật và dự toán được duyệt, biên bản nghiệm thu công trình.

- b) Các chứng từ sổ sách kế toán liên quan đến việc xác định nguyên giá và giá trị còn lại của tài sản lưới điện, cơ cấu nguồn vốn đầu tư, báo cáo quyết toán được duyệt của cấp có thẩm quyền.

- c) Hợp đồng vay vốn Ngân hàng, các tổ chức kinh tế khác (kể cả vay của các đơn vị thi công); các chứng từ chứng minh khoản phải trả khác; biên bản đối chiếu công nợ có xác nhận nợ của Ngân hàng hoặc bên cho vay, bên cho nợ; hồ sơ thanh quyết toán (liên quan đến lưới điện bàn giao) có xác nhận số đã trả và số nợ còn phải trả đến thời điểm bàn giao (nếu có).

- d) Giấy nợ đã vay của dân trên cơ sở các văn bản cam kết vay phải trả của Bên giao trong thời gian xây dựng công trình: Nghị quyết của Hội đồng nhân dân xã hoặc Ủy ban nhân dân xã hoặc Nghị quyết của Đại hội xã viên hợp tác xã; các chứng từ sổ sách phản ánh số nợ đã trả và số nợ chưa trả đến thời điểm bàn giao công trình và các tài liệu liên quan khác (nếu có).

- đ) Các chứng từ thể hiện vốn của cá nhân (phiếu thu, chứng từ góp vốn vào công ty cổ phần,), vốn xã viên Hợp tác xã được sử dụng để xây dựng công trình.

2. Hồ sơ được lập tại thời điểm giao, nhận

Bên giao phối hợp với Bên nhận để thực hiện lập hồ sơ tại thời điểm giao nhận theo những nội dung sau:

a) Lập sơ đồ mặt bằng thực trạng lưới điện hạ áp nông thôn; Hồ sơ hiện trạng đường dây hạ áp theo quy định tại Quyết định số 34/2006/QĐ-BCN ngày 13 tháng 9 năm 2006 của Bộ Công nghiệp quy định về an toàn lưới điện nông thôn.

Căn cứ vào Hồ sơ hiện trạng đường dây hạ áp đã được lập, Bên giao phối hợp với Bên nhận trình Ủy ban nhân dân huyện xác nhận hiện trạng đường dây hạ áp để làm cơ sở pháp lý cho việc vận hành, quản lý sau này.

b) Lập Biên bản giao nhận LĐHANT theo mẫu quy định tại phụ lục 1 của Thông tư, gồm:

- Các hồ sơ gốc giao nhận LĐHANT theo quy định tại khoản 1 Điều 4 của Thông tư này (nếu có) và liệt kê vào (Phụ lục 1.1);

- Lập bảng tổng hợp khối lượng và phân tích giá trị còn lại của tài sản LĐHANT (Phụ lục 1.2 hoặc 1.3);

- Lập bảng kê xác định cơ cấu các nguồn vốn đã đầu tư LĐHANT theo qui định tại Điều 6 của Thông tư (Phụ lục 1.4).

c) Lập Biên bản xác định giá trị còn lại LĐHANT theo mẫu quy định tại Phụ lục 2 của Thông tư.

3. Đối với các công trình đã bàn giao và hoàn tất thủ tục bàn giao từ ngày 01 tháng 03 năm 2009 đến ngày Thông tư này có hiệu lực, hồ sơ được giữ nguyên và lập bổ sung Biên bản xác định phần vốn tổ chức, cá nhân được hoàn trả theo giá trị còn lại của tài sản LĐHANT theo mẫu quy định tại phụ lục số 3 của Thông tư.

Điều 5. Phương pháp xác định giá trị còn lại của tài sản bàn giao

Căn cứ vào tình hình thực tế về quản lý tài sản lưới điện hạ áp của Bên giao, giá trị còn lại của tài sản LĐHANT bàn giao được xác định theo một trong hai phương pháp sau:

1. Phương pháp đánh giá theo sổ kế toán: áp dụng đối với những tài sản được quản lý theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

Giá trị còn lại của tài sản	=	Nguyên giá tài sản trên sổ kế toán	-	Giá trị hao mòn lũy kế tài sản trên sổ kế toán
--	----------	---	----------	---

2. Phương pháp đánh giá theo giá trị thực tế: căn cứ số lượng và chất lượng tài sản bàn giao, giá trị thực tế của tài sản LĐHANT bàn giao được xác định như sau:

Giá trị còn lại của tài sản	=	Số lượng thực tế của tài sản	x	Đơn giá của từng tài sản	x	Chất lượng còn lại của từng tài sản (%)
--	----------	---	----------	-------------------------------------	----------	--

Trong đó:

a) Số lượng thực tế của tài sản được xác định trên cơ sở số liệu kiểm kê thực tế của LĐHANT bàn giao;

b) Đơn giá của từng tài sản làm cơ sở xác định giá trị còn lại của tài sản LĐHANT được tính theo quy định tại thời điểm bàn giao của từng địa phương (cấp tỉnh quy định) hoặc theo bộ đơn giá chuyên ngành điện;

c) Chất lượng còn lại của từng tài sản (%) do Bên giao, Bên nhận xác định trên cơ sở chất lượng thực tế của tài sản, nhưng tỷ lệ xác định chất lượng còn lại của tài sản từ 10% trở lên.

3. Trường hợp Bên giao và Bên nhận không thống nhất được tỷ lệ chất lượng còn lại của tài sản bàn giao thì hai Bên thống nhất lựa chọn và ký hợp đồng thuê các tổ chức định giá được Bộ Tài chính công bố hàng năm để xác định giá trị còn lại của tài sản LĐHANT để làm cơ sở giao nhận. Nếu hai Bên không thống nhất được việc lựa chọn các tổ chức định giá để xác định giá trị còn lại của tài sản bàn giao thì Bên giao có trách nhiệm trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố xem xét, quyết định lựa chọn tổ chức định giá để xác định giá trị còn lại của tài sản LĐHANT bàn giao.

Trong trường hợp chi phí thuê tổ chức định giá lớn hơn giá trị còn lại của tài sản bàn giao thì Hội đồng định giá trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quyết định giá trị tài sản bàn giao.

Các tổ chức định giá chịu trách nhiệm về tính chính xác, tính hợp pháp của kết quả định giá theo quy định của pháp luật. Căn cứ kết quả định giá của tổ chức định giá nêu trên, Sở Tài chính chủ trì phối hợp với Sở Công Thương thẩm tra, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phê duyệt. Chi phí thuê tổ chức định giá do Bên giao, Bên nhận cùng chịu trách nhiệm chi trả theo tỷ lệ 50-50.

4. Đối với những tài sản được đầu tư không theo hoặc không đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật được quy định tại Quyết định số 34/2006/QĐ-BCN ngày 13 tháng 9 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp về việc ban hành Quy định về kỹ thuật an toàn lưới điện hạ áp nông thôn như: đường dây hạ áp xây dựng bằng những cột tự tạo (như: cột tre, cột gỗ, cột xi măng tự đúc, ...), hệ thống đo đếm điện năng không đúng quy định của Pháp lệnh đo lường thì không đưa vào đánh giá giá trị tài sản. Trước mắt Bên giao có trách nhiệm thực hiện bàn giao nguyên trạng tài sản này để Bên nhận tạm thời duy trì việc cấp điện cho dân. Sau khi tiếp nhận, Bên nhận phải có kế hoạch bố trí vốn để nâng cấp, thay thế lưới điện đảm bảo vận hành an toàn, hiệu quả, đồng thời thu hồi tài sản cũ trả lại cho Bên giao.

Đối với những công tơ điện đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt mẫu và còn thời hạn sử dụng, sau khi kiểm định và hiệu chỉnh lại đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật thì hai Bên thỏa thuận trên cơ sở thống nhất chất lượng còn lại và giá cả thị trường đối với loại tài sản đó.

Điều 6. Xác định cơ cấu các nguồn vốn xây dựng công trình

Căn cứ vào hồ sơ tài sản LĐHANT bàn giao (Quyết định đầu tư, thiết kế kỹ thuật và dự toán được duyệt, biên bản nghiệm thu công trình, ...) và sổ sách kế toán, chứng từ có liên quan của công trình đầu tư LĐHANT để xác định tổng vốn đầu tư, phân loại từng nguồn vốn làm cơ sở xử lý vốn, tài sản khi bàn giao như sau:

1. Vốn có nguồn gốc từ ngân sách Nhà nước bao gồm: ngân sách Trung ương, ngân sách địa phương, vốn của các chương trình quốc gia, vốn từ nguồn thuế nông nghiệp được miễn để đầu tư xây dựng công trình điện, vốn của doanh nghiệp nhà nước...và phần vốn không xác minh được nguồn gốc;

2. Vốn của các tổ chức, cá nhân: Vốn của công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn, doanh nghiệp tư nhân, hợp tác xã, vốn huy động của dân, vốn của cá nhân.

3. Vốn vay của các tổ chức tín dụng trong và ngoài nước và các đơn vị khác (kể cả khoản vay còn nợ của các đơn vị thi công), được xác định trên cơ sở khế ước vay (hợp đồng vay) tại thời điểm xây dựng công trình và có xác nhận của tổ chức tín dụng hoặc bên cho vay, bên cho nợ, biên bản đối chiếu công nợ đến thời điểm bàn giao.

4. Đối với công trình đầu tư chung, trong đó LĐHANT chỉ là một hạng mục của công trình, thì việc xác định cơ cấu nguồn vốn đầu tư LĐHANT được tính tương ứng theo tỷ trọng cơ cấu nguồn vốn đầu tư chung của cả công trình đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt khi xây dựng công trình.

Chương III

PHƯƠNG THỨC HOÀN TRẢ VỐN VÀ NGUỒN VỐN HOÀN TRẢ TRONG GIAO NHẬN TÀI SẢN LƯỚI ĐIỆN HẠ ÁP NÔNG THÔN

Điều 7. Nguyên tắc xử lý và hoàn trả vốn

Phần giá trị công trình LĐHANT bàn giao đã được xác định tại biên bản bàn giao và xác nhận từng nguồn vốn, được xử lý như sau:

1. Đối với nguồn vốn có nguồn gốc từ ngân sách Nhà nước: thực hiện tăng vốn thuộc nguồn ngân sách nhà nước cho Bên nhận theo giá trị còn lại thực tế của tài sản bàn giao và giảm vốn thuộc nguồn ngân sách cho Bên giao theo giá trị sổ sách.

2. Đối với vốn của các tổ chức, cá nhân thì Bên nhận hoàn trả theo giá trị còn lại thực tế của tài sản bàn giao. Bên giao nếu là doanh nghiệp được hạch

toán khoản chênh lệch giữa giá trị còn lại trên sổ sách kế toán với giá trị còn lại thực tế của tài sản bàn giao vào doanh thu hoặc chi phí hoạt động kinh doanh khác.

3. Trường hợp LĐHANT bàn giao được đầu tư từ nguồn vốn vay hoặc từ các khoản phải trả khác có cam kết trả: nếu đủ hồ sơ quy định tại điểm c khoản 1 Điều 4 của Thông tư này và được UBND cấp tỉnh, thành phố phê duyệt, Bên nhận thực hiện hoàn trả cho Bên giao số tiền vay còn nợ Ngân hàng hoặc các đối tượng khác theo quy định trong hợp đồng vay hoặc khế ước vay nợ (mức tối đa không vượt quá giá trị còn lại thực tế của tài sản bàn giao), đồng thời hạch toán tăng vốn kinh doanh thuộc nguồn Ngân sách nhà nước đối với số chênh lệch giữa giá trị tài sản thực nhận (sau khi đã đánh giá lại) với số tiền phải hoàn trả cho Bên giao (nếu có).

4. Trong trường hợp công trình được đầu tư bằng nhiều nguồn vốn khác nhau, căn cứ vào giá trị và cơ cấu nguồn vốn đầu tư ban đầu, hai Bên xác định tỷ lệ tương ứng vốn của từng nguồn vốn trong tổng giá trị còn lại của công trình tại Biên bản bàn giao và thực hiện xử lý và hoàn trả vốn theo hướng dẫn tại khoản 1, 2 và 3 Điều này.

5. Để được hoàn trả vốn theo hướng dẫn nêu trên, đại diện chủ sở hữu công trình LĐHANT phải lập đủ hồ sơ theo hướng dẫn tại khoản 1 Điều 4 của Thông tư này. Hồ sơ để hoàn trả vốn tuyệt đối không được lập lại, sửa chữa, tẩy xóa các chứng từ, hồ sơ vay, nợ.

Trong trường hợp không còn hoặc không đủ hồ sơ, Bên giao và Bên nhận cần lập biên bản miêu tả hiện trạng hồ sơ, tài sản bàn giao, đánh giá giá trị còn lại thực tế của tài sản bàn giao, trình Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố xem xét quyết định việc hoàn trả vốn.

6. Thời điểm xác định công trình LĐHANT bàn giao và hoàn trả vốn

a) Các công trình LĐHANT được bàn giao kể từ ngày Thông tư có hiệu lực, thực hiện việc hoàn trả vốn theo quy định tại Thông tư này.

b) Các công trình LĐHANT đã thực hiện bàn giao từ ngày 01 tháng 3 năm 2009 đến trước ngày Thông tư này có hiệu lực thì thực hiện theo thỏa thuận của hai bên đã ký; trường hợp chưa có thỏa thuận hoàn trả vốn thì thực hiện theo quy định tại Thông tư này.

c) Các công trình LĐHANT đã thực hiện bàn giao trước ngày 01 tháng 03 năm 2009 thì giữ nguyên như Quyết định bàn giao.

Điều 8. Nguồn vốn, phương thức hoàn trả vốn và xử lý chi phí phát sinh của hoạt động giao nhận tài sản LĐHANT

1. Nguồn vốn hoàn trả: Các Công ty Điện lực sử dụng nguồn vốn khấu hao trong các năm 2010, 2011, 2012 để hoàn trả vốn cho Bên giao hoặc Ủy ban nhân dân xã (đối với các LĐHANT đầu tư từ nguồn vốn đóng góp của dân).

2. Phương thức hoàn trả

Căn cứ quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các Công ty Điện lực nhận bàn giao công trình LĐHANT nào thì thực hiện hoàn trả trực tiếp cho bên có công trình lưới điện bàn giao theo hồ sơ nhận bàn giao. Đối với các công trình LĐHANT do huy động vốn góp của dân thì Công ty Điện lực chuyển tiền cho Ủy ban nhân dân xã nơi có công trình LĐHANT bàn giao để UBND xã hoàn trả cho từng người dân có góp vốn.

Việc hoàn trả vốn cho các chủ đầu tư thực hiện chia đều trong 03 năm kể từ năm 2010 đến hết năm 2012. Kết thúc việc hoàn trả vốn trước ngày 31 tháng 12 năm 2012.

Trường hợp tài sản LĐHANT bàn giao được đầu tư từ nguồn vốn vay (theo quy định tại khoản 3 Điều 6 của Thông tư này), các công ty Điện lực cùng chủ đầu tư, chủ nợ cùng nhau ký bàn giao khoản nợ cho Công ty Điện lực nhận LĐHANT (giá trị nợ bàn giao cho Công ty Điện lực không vượt quá giá trị còn lại thực tế của tài sản bàn giao). Công ty Điện lực có trách nhiệm trả nợ cho các chủ nợ theo khế ước đã ký ban đầu hoặc theo thoả thuận giữa chủ nợ với Công ty Điện lực.

3. Chi phí cho hoạt động giao nhận tài sản LĐHANT

a) Đối với chi phí phục vụ công việc có liên quan đến công tác giao, nhận tài sản LĐHANT (chi phí đi lại, ăn nghỉ, công tác phí...) do các đơn vị cử cán bộ tham gia có trách nhiệm thanh toán theo chế độ quy định và hạch toán vào chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh.

Trường hợp Bên giao là cá nhân: chi phí phục vụ công việc có liên quan đến công tác giao nhận tài sản LĐHANT (chi phí đi lại, ăn nghỉ, công tác phí) do cá nhân tự thanh toán.

b) Các chi phí in ấn tài liệu, hội họp do Bên nhận chịu trách nhiệm chi và được hạch toán vào chi phí hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

Chương IV

TRÌNH TỰ GIAO NHẬN, QUẢN LÝ VÀ HOÀN TRẢ VỐN TÀI SẢN LƯỚI ĐIỆN HẠ ÁP NÔNG THÔN

Điều 9. Giao, nhận tài sản LĐHANT

1. Giai đoạn giao, nhận quản lý vận hành: Sau khi có Quyết định của UBND tỉnh, thành phố về việc giao nhận tài sản LĐHANT Bên giao, Bên nhận thực hiện bàn giao tài sản; thực hiện tăng giảm tài sản LĐHANT. Bên nhận có trách nhiệm tiếp nhận tài sản LĐHANT quản lý vận hành và tổ chức bán điện trực tiếp đến hộ dân.

2. Giai đoạn hoàn trả vốn

Giai đoạn hoàn trả vốn được thực hiện từ năm 2010 đến năm 2012. Việc hoàn trả vốn được hoàn thành trước ngày 31 tháng 12 năm 2012.

Bên nhận có trách nhiệm hoàn trả vốn cho Bên giao hàng năm bằng nguồn vốn khấu hao được trích trong năm theo quy định của Bộ Tài chính và hướng dẫn tại Thông tư này.

Điều 10. Hội đồng định giá tài sản LDHANT

1. Hội đồng định giá tài sản LDHANT cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quyết định thành lập. Trong trường hợp cần thiết, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có thể ủy quyền cho Ủy ban nhân dân cấp huyện có đủ năng lực thành lập Hội đồng định giá tài sản LDHANT.

2. Thành viên Hội đồng định giá tài sản LDHANT bao gồm:

a) Chủ tịch Hội đồng định giá tài sản do Lãnh đạo tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phụ trách khối Công nghiệp đảm nhiệm hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện trong trường hợp được ủy quyền.

b) Các thành viên là đại diện các ngành Tài chính, Công Thương cùng cấp, đại diện Bên giao, Bên nhận.

Ngoài ra, Chủ tịch hội đồng định giá tài sản có thể mời thêm đại diện một số cơ quan ban ngành có liên quan tại địa phương tham gia Hội đồng định giá tài sản.

3. Hội đồng định giá tài sản LDHANT có trách nhiệm tổ chức thẩm định, lập biên bản thẩm định giá trị còn lại của tài sản LDHANT bàn giao và xác nhận cơ cấu nguồn vốn đầu tư theo quy định tại Điều 6 của Thông tư này, trình Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố phê duyệt để làm căn cứ hoàn trả vốn và ra quyết định tăng vốn cho các Công ty Điện lực thuộc EVN.

Điều 11. Trình tự giao nhận tài sản LDHANT và hoàn trả vốn

1. Bên giao có trách nhiệm lập hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều 4 của Thông tư này gửi Bên nhận.

2. Chậm nhất sau 15 ngày kể từ ngày Bên nhận nhận được hồ sơ do Bên giao gửi, Bên giao và Bên nhận tiến hành kiểm kê số lượng, đánh giá chất lượng còn lại của từng tài sản bàn giao theo hướng dẫn nêu trên; lập biên bản bàn giao tài sản LDHANT và hoàn chỉnh hồ sơ giao nhận theo quy định tại Điều 4 của Thông tư này, trình Hội đồng định giá tài sản thẩm định.

3. Trên cơ sở hồ sơ giao nhận do Bên giao và Bên nhận lập, Hội đồng định giá tài sản có trách nhiệm thẩm định giá trị tài sản còn lại, xác định cơ cấu nguồn vốn đầu tư, giá trị vốn vay còn nợ và số vốn được hoàn trả và trình Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố phê duyệt.

4. Chậm nhất sau 15 ngày kể từ ngày Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố phê duyệt hai Bên tiến hành bàn giao và tiếp nhận tài sản LDHANT. Việc thực hiện tăng giảm tài sản, vốn hoặc hoàn trả vốn giữa hai Bên

được thực hiện kể từ ngày có Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố phê duyệt giá trị tài sản bàn giao.

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 12. Trách nhiệm UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm:

1. Căn cứ vào kế hoạch bàn giao tài sản LÐHANT đã thỏa thuận với các Công ty Điện lực thuộc EVN chỉ đạo các tổ chức kinh doanh điện nông thôn trên địa bàn không có đủ điều kiện kinh doanh bán điện theo biểu giá điện sinh hoạt bậc thang theo Quyết định số 21/2009/QĐ-TTg ngày 12 tháng 02 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ và Thông tư số 05/2009/TT-BCT ngày 26 tháng 2 năm 2009 của Bộ Công Thương thực hiện bàn giao tài sản LÐHANT theo hướng dẫn tại Thông tư này cho các Công ty Điện lực thuộc EVN quản lý.

2. Thành lập Hội đồng định giá tài sản LÐHANT tỉnh hoặc ủy quyền cho Ủy ban nhân dân cấp huyện có đủ năng lực thành lập Hội đồng định giá tài sản LÐHANT (trong trường hợp cần thiết).

3. Chỉ định tổ chức phù hợp làm đại diện của Bên giao trong trường hợp không xác định được chủ sở hữu tài sản LÐHANT.

4. Quyết định lựa chọn tổ chức định giá xác định giá trị còn lại tài sản LÐHANT khi Bên giao và Bên nhận không thống nhất được tỷ lệ chất lượng còn lại của tài sản bàn giao.

5. Phê duyệt giá trị tài sản bàn giao, cơ cấu nguồn vốn đầu tư, giá trị vốn vay còn nợ và số vốn được hoàn trả để làm cơ sở cho hai Bên thực hiện tăng giảm tài sản, vốn hoặc hoàn trả vốn.

Điều 13. Trách nhiệm của Tập đoàn Điện lực Việt Nam

Tập đoàn Điện lực Việt Nam có trách nhiệm:

1. Chỉ đạo và hướng dẫn các Công ty Điện lực phối hợp với Bên giao, tổ chức tiếp nhận, quản lý, vận hành và bán điện trực tiếp đến hộ dân nông thôn; Lập kế hoạch bố trí vốn hoàn trả, vốn đầu tư, nâng cấp, cải tạo lưới điện hạ áp nông thôn để đảm bảo vận hành an toàn và kinh doanh bán điện lâu dài.

2. Định kỳ hàng năm (chậm nhất vào ngày 31 tháng 3) tổng hợp, báo cáo Bộ Công Thương, Bộ Tài chính về kết quả thực hiện giao, nhận tài sản LÐHANT, giá trị tăng vốn, hoàn trả vốn của năm trước.

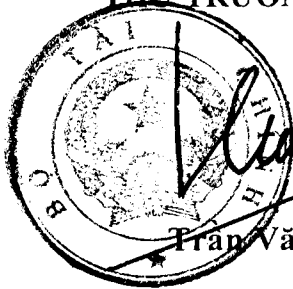
3. Sau khi kết thúc chương trình giao, nhận tài sản LÐHANT có báo cáo tổng hợp gửi Bộ Tài chính, Bộ Công Thương về toàn bộ kết quả thực hiện giao,

nhận tài sản, giá trị tăng vốn và hoàn trả vốn của chương trình giao, nhận tài sản LDHANT.

Điều 14. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 22 tháng 3 năm 2010. Trong quá trình thực hiện nếu có những vướng mắc đề nghị các đơn vị, địa phương báo cáo Bộ Công Thương (Cục Điều tiết Điện lực), Bộ Tài chính để kịp thời phối hợp, giải quyết./.

KT.BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH
THỦ TRƯỞNG



Trần Văn Hiếu

KT.BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG THƯƠNG
THỦ TRƯỞNG



Đỗ Hữu Hào

Nơi nhận :

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng CP;
- VP Quốc hội, VP Chủ tịch nước, VP Chính phủ, VP TW và các Ban của Đảng;
- Các Bộ, Cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- Viện Kiểm soát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Sở Công Thương, Sở Tài chính các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Công báo;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư Pháp);
- Tập đoàn Điện lực VN;
- Website: Chính phủ, BCT, BTC;
- Lưu: Bộ CT(VT,TC, Cục ĐTĐL); Bộ TC(VT,Cục TCDN).

Phụ lục số 1

(Ban hành đính kèm Thông tư Liên tịch số 06/2010/TTLT/BCT-BTC
ngày 03 tháng 2 năm 2010 của Liên Bộ: Công Thương – Tài chính)

UBND tỉnh, TP.:
.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 200....

BIÊN BẢN
Giao nhận lưới điện hạ áp nông thôn

- Căn cứ Thông tư Liên tịch số 06/2010/TTLT/BCT-BTC ngày 03 tháng 2 năm 2010 của Liên Bộ: Công Thương - Tài chính Hướng dẫn giao nhận và hoàn trả vốn lưới điện hạ áp nông thôn (LĐHANT)..
 - Căn cứ
 - Căn cứ
- Hôm nay, ngày tháng năm 20 tại

Bên giao:

1. Ông: Chức vụ: (Chủ tài sản).
2. Ông: Chức vụ:
3. Ông: Chức vụ:
4. Ông: Chức vụ:
5. Ông: Chức vụ:

Bên nhận: Điện lực: thuộc Công ty Điện lực:

- 1 - Ông:
- 2 - Ông:
- 3 - Ông:
- 4 - Ông:
- 5 - Ông:

Sau khi kiểm tra hồ sơ và thực tế tại hiện trường LĐHANT hiện có của
Bên giao đồng ý bàn giao và Bên nhận đồng ý tiếp nhận tài sản LĐHANT tại để
bên nhận quản lý bán điện trực tiếp đến hộ dân, cụ thể như sau:

I. Hồ sơ giao nhận lưới điện hạ áp nông thôn:

1. Hồ sơ gốc:

Được tổng hợp vào (Phụ lục 1.1) của Biên bản này.

2. Hồ sơ được lập tại thời điểm giao nhận:

- a) Sơ đồ mặt bằng thực trạng và sơ đồ hành lang tuyến đường dây LĐHANT;
- b) Bảng kiểm kê số lượng, chủng loại, chất lượng của thiết bị, vật tư đường dây hạ áp, xác định giá trị thực tế còn lại của tài sản lưới điện theo qui định tại khoản 2 mục II Thông tư
- c) Bảng kê xác định cơ cấu các nguồn vốn đã đầu tư LĐHANT theo qui định tại khoản 3 mục II Thông tư
- d) Biên bản xác định GTCL của tài sản LĐHANT bàn giao để HĐĐG tài sản LĐHANT cấp tỉnh thẩm định (theo mẫu quy định) và trình UBND tỉnh phê duyệt.
- đ) Biên bản giao nhận LĐHANT.

3. Khối lượng và phân tích giá trị thực tế còn lại tại thời điểm giao nhận:

(Chi tiết tại Phụ lục 1.2 và Phụ lục 1.3 kèm theo).

Tổng giá trị còn lại: triệu đồng.

4. Xác định cơ cấu các nguồn vốn đã đầu tư công trình:

4.1. Trường hợp nguồn vốn có đủ chứng từ gốc:

Tổng giá trị nguyên giá: đồng. Trong đó:

- Vốn từ ngân sách trung ương, địa phương, vốn từ nguồn thuế tài nguyên để lại cho địa phương, vốn các Dự án từ nguồn ngân sách, vốn từ nguồn thuế nông nghiệp được miễn để đầu tư xây dựng công trình điện, và phần vốn không xác minh được nguồn gốc: đồng.
- Vốn của cá nhân, tổ chức đồng, chiếm tỷ lệ so với nguyên giá: (..... %).
- Vốn vay:
 - o Vốn vay của dân có cam kết trả (theo giấy vay nợ): đồng.
 - o Vốn vay của Ngân hàng (có khế ước vay): đồng.
 - o Vốn vay của các tổ chức kinh tế khác (theo Hợp đồng vay): đồng.
 - o Vốn huy động của dân: đồng, tỷ lệ so với nguyên giá: (.... %).
 - o Nợ thi công (nếu có): đồng.
 - o Phần vốn vay của tổ chức nước ngoài do địa phương và CTĐL thống nhất
- **Tổng GTCL của tài sản giao, nhận:** đồng.

4.2. Trường hợp các nguồn vốn không có đủ hồ sơ chứng từ gốc:

Lập biên bản xác định cơ cấu các nguồn vốn (Phụ lục 1.4 đính kèm), có xác nhận của HĐND địa phương.

4.3. Xác định vốn hoàn trả:

- Vốn của cá nhân, tổ chức đồng, chiếm tỷ lệ so với nguyên giá: (..... %).
- Vốn vay:

- Vốn vay của dân có cam kết trả (theo giấy vay nợ): đồng.
- Vốn vay của Ngân hàng (có khế ước vay): đồng.
- Vốn vay của các tổ chức kinh tế khác (theo Hợp đồng vay): đồng.
- Vốn huy động của dân: đồng, tỷ lệ so với nguyên giá: (.... %).
- Nợ thi công (nếu có): đồng.

Tổng cộng vốn hoàn trả: đồng.

(Bằng chữ:)

II. Ý KIẾN CỦA HAI BÊN GIAO NHẬN

Biên bản lập thành 05 bản: 02 bản gửi lên Hội đồng định giá tài sản lưới điện hạ áp nông thôn của tỉnh, 01 bản gửi Công ty Điện lực, 01 bản bên Giao và 01 bản bên Nhận.

BÊN GIAO
 Chủ sở hữu tài sản
 (ký tên và đóng dấu)

BÊN NHẬN
 Giám đốc Điện lực
 (Ký tên và đóng dấu)

Phụ lục 1.1

(Ban hành đính kèm Thông tư Liên tịch số 06/2010/TTLT/BCT-BTC
ngày 03 tháng 2 năm 2010 của Liên Bộ: Công Thương – Tài chính)

HỒ SƠ GỐC GIAO NHẬN TÀI SẢN LƯỚI ĐIỆN HẠ ÁP NÔNG THÔN

Nếu công trình LĐHANT: - Còn dư nợ vốn vay phải trả;
 - Vốn tổ chức (có hoàn trả), và vốn cá nhân.

TT	Tên Hồ sơ	Số văn bản	Ngày ký	Cấp xét duyệt	Ghi chú
1	1.1. Quyết định đầu tư. 1.2. Thiết kế - Kỹ thuật. 1.3. Dự toán được duyệt. 1.4. Biên bản nghiệm thu công trình.				
2	Sơ đồ mặt bằng thực trạng và sơ đồ hành lang tuyến đường dây;				
3	Các chứng từ sổ sách tài chính - kế toán liên quan đến việc xác định nguyên giá và GTCL của Tài sản LĐHANT, cơ cấu vốn đầu tư, báo cáo quyết toán được duyệt: - - -				
4	Khế ước vay (hợp đồng vay): 4.1. Vay Ngân hàng. 4.2. Vay của các tổ chức kinh tế khác. 4.3. Biên bản đối chiếu công nợ. 4.4. Hồ sơ thanh quyết toán. 4.5. Các tài liệu khác.				
5	Hồ sơ vay nợ của dân (trên cơ sở các văn bản đã cam kết vay phải trả của bên Giao tại thời điểm xây dựng công trình): 5.1. Nghị quyết của HĐND, UBND xã 5.2. Nghị quyết của Đại hội xã viên. 5.3. Các chứng từ sổ sách phản ánh (đến thời điểm bàn giao công trình): - Số nợ đã trả. - Số nợ chưa trả. - Các tài liệu khác.				
6	Các chứng từ huy động vốn của dân và HTX tại thời điểm xây dựng công trình: 6.1. Nghị quyết của HĐND, UBND xã 6.2. Nghị quyết của Đại hội xã viên. 6.3. Các chứng từ sổ sách phản ánh (đến thời điểm bàn giao công trình): - Phiếu thu: - Danh sách huy động: -				

(Ban hành đính kèm Thông tư Liên tịch số 06/2010/TTLT/BCT-BTC ngày 03 tháng 2 năm 2010 của Liên Bộ: Công Thương – Tài chính)

[illegible]

Ông: - Chúc vự:

Ông: - Chúc vự:

Ông: - Chúc vự:

(Ban hành đính kèm Thông tư Liên tịch số 06/2010/TTLT/BCT-BTC ngày 03 tháng 2 năm 2010 của Liên Bộ: Công Thương – Tài chính)

Áp dụng cho phương pháp Đánh giá theo giá trị còn lại thực tế

[illegible]

BÊN GIAO:
(Ký và ghi rõ họ tên, chức vụ)

BÊN NHẬN: (Điện lực)
(Ký và ghi rõ họ tên, chức vụ)

- Ông: - Chức vụ:

Ông: - Chức vụ:

- Ông: - Chức vụ:

Ông: - Chức vụ:

- Ông: - Chức vụ:

Ông: - Chức vụ:

Phụ lục 1.4

(Ban hành đính kèm Thông tư Liên tịch số 06/2010 TT/LT/BCT-BTC
ngày 03 tháng 2 năm 2010 của Liên Bộ: Công Thương – Tài chính)

BIÊN BẢN

Xác định cơ cấu các nguồn vốn để hoàn trả vốn theo GTCL của tài sản LDHANT

Tên Chủ sở hữu công trình:

TT	Xác định cơ cấu vốn	(10 ⁶ đồng)	TL (%)	Ghi chú
	I. <u>Xác định các nguồn vốn đã đầu tư công trình tại thời điểm xây dựng:</u>			Để xác định cơ cấu vốn tương ứng trong GTCL.
1	Vốn có nguồn gốc từ Ngân sách: - Ngân sách TW: từ các Chương trình Quốc gia, vốn NSNN cho các Dự án, - Ngân sách địa phương: vốn từ nguồn thuế tài nguyên để lại cho địa phương, vốn từ nguồn thuế nông nghiệp được miễn dùng để đầu tư.			
2	Vốn không xác định được nguồn:			
3	Vốn vay (của dân, của Ngân hàng và của các Tổ chức kinh tế):			
4	Vốn huy động của dân (Danh sách):			Kèm bảng kê danh sách thu tiền của dân.
5	Vốn đầu tư của HTX:			Kèm bản kê khai.
	Tổng cộng (1+2+3+4+5):		100	
	II. <u>Xác định vốn hoàn trả:</u>			
7	Tổng giá trị còn lại (GTCL):		100	Quyết định đã phê duyệt của UBND tỉnh.
8	Vốn huy động của dân: (Tỷ lệ % xác định trong cơ cấu vốn đầu tư của điểm 1.4. nhân với tổng GTCL)	(7) x % của (4)		
9	Vốn đầu tư của HTX: (Tỷ lệ % xác định trong cơ cấu vốn đầu tư của điểm 1.5. nhân với tổng GTCL)	(7) x % của (5)		
	Tổng cộng vốn huy động của dân và vốn HTX phải hoàn trả (8+9):			

BÊN NHẬN

Giám đốc Điện lực/CTĐL
(Ký tên và đóng dấu)

CHỦ TỊCH HĐND ĐỊA PHƯƠNG
(Ký tên và đóng dấu)

CHỦ TỊCH UBND CẤP TỈNH
(Ký tên và đóng dấu)

BÊN GIAO

Chủ sở hữu công trình
(Ký tên và đóng dấu)

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG ĐGTS
(Ký tên và đóng dấu)

Phụ lục 2

(Ban hành đính kèm Thông tư Liên tịch số 06/2010/TTLT/BCT-BTC
ngày 03 tháng 2 năm 2010 của Liên Bộ: Công Thương – Tài chính)

UBND tỉnh, TP.:
HỘI ĐỒNG ĐỊNH GIÁ TÀI SẢN
Số:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..... ngày tháng năm 20.....

BIÊN BẢN XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ CÒN LẠI LƯỚI ĐIỆN HẠ ÁP NÔNG THÔN

- Căn cứ Thông tư liên tịch số 06 /2010/TTLT/BCT-BTC ngày 03 tháng 2 năm 2010 của Liên Bộ: Công Thương – Tài chính hướng dẫn giao nhận và hoàn trả vốn lưới điện hạ áp nông thôn.
- Căn cứ Quyết định số ngày..... tháng..... năm.....của UBND tỉnh về việc thành lập Hội đồng định giá tài sản lưới điện hạ áp nông thôn tỉnh.
- Căn cứ

Hôm nay, ngày tháng năm....., tại Hội đồng định giá tài sản lưới điện hạ áp nông thôn tỉnh gồm:

- Chủ tịch Hội đồng: Ông(Bà):; Chức vụ:
- Ủy viên thường trực: Ông (Bà); Chức vụ:
- Ủy viên: Ông (Bà); Chức vụ:
- Ủy viên: Ông (Bà).....; Chức vụ:
- Ủy viên: Ông (Bà).....; Chức vụ:

Sau khi thẩm tra các hồ sơ & biên bản bàn giao tài sản lưới điện hạ áp nông thôn của 2 bên Giao Nhận, Hội đồng định giá tài sản thống nhất như sau:

I. Tên và khối lượng tài sản lưới điện hạ áp bàn giao:

Danh mục tên và khối lượng chi tiết từng tài sản lưới điện trung áp bàn giao được xác định theo Biên bản Giao nhận lưới điện trung áp nông thôn giữa hai bên Giao Nhận đã ký ngày..... tháng năm tại (tại Biên bản số 1 kèm theo).

Tổng cộng khối lượng đường dây hạ áp bàn giao, gồm: Chiều dài (km)

II. Hồ sơ bàn giao:

(Liệt kê danh mục, số hồ sơ và đánh giá tính hợp pháp của từng hồ sơ)

.....
.....
.....

III. Giá trị tài sản bàn giao:

1. Tổng giá trị tài sản còn lại bàn giao: đồng. Trong đó:

- Vốn từ ngân sách trung ương, địa phương, vốn từ nguồn thuế tài nguyên để lại cho địa phương, vốn các Dự án từ nguồn ngân sách, vốn từ nguồn thuế nông nghiệp được miễn để đầu tư xây dựng công trình điện, và phần vốn không xác minh được nguồn gốc: đồng.
- Phần vốn hoàn trả:
 - o Vốn vay của dân có cam kết trả (theo giấy vay nợ): đồng.
 - o Vốn vay của Ngân hàng (có khế ước vay): đồng.
 - o Vốn vay của các tổ chức kinh tế khác (theo Hợp đồng vay): đồng.
 - o Vốn huy động của dân: triệu đồng, tỷ lệ so với nguyên giá: (.... %).
 - o Vốn đồng.

IV. Kết luận của Hội đồng: (Nêu rõ các ý kiến)

.....

.....

.....

.....

Biên bản này lập thành 5 bản: 3 bản để báo cáo và UBND tỉnh, 1 bản lưu Hội đồng ĐGTS, 1 bản gửi Công ty Điện lực, 2 bản gửi bên Giao & bên Nhận để thực hiện./.

CÁC ỦY VIÊN HỘI ĐỒNG

(Ký & ghi rõ họ tên)

1.
2.
3.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

(Ký tên & đóng dấu)

Phụ lục 3

(Ban hành đính kèm Thông tư Liên tịch số 06/2010/TTLT/BCT-BTC
ngày 03 tháng 02 năm 2010 của Liên Bộ: Công Thương – Tài chính)

Mẫu biên bản áp dụng cho các công trình đã bàn giao và hoàn tất thủ tục từ ngày
01/03/2009 đến ngày Thông tư có hiệu lực, được giữ nguyên và nay lập thêm Biểu này

TỈNH, TP.:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..... ngày tháng năm 20.....

BIÊN BẢN

**XÁC ĐỊNH PHÂN VỐN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐƯỢC HOÀN TRẢ
THEO GIÁ TRỊ CÒN LẠI CỦA LƯỚI ĐIỆN HẠ ÁP NÔNG THÔN**

- Căn cứ Thông tư Liên tịch số 06 /2010/TTLT/BCT-BTC ngày 03 tháng 2 năm 2010 của Liên Bộ: Công Thương – Tài chính hướng dẫn giao nhận và hoàn trả vốn lưới điện hạ áp nông thôn.
 - Căn cứ
 - Căn cứ
- Hôm nay, ngày tháng năm 20..... tại

Bên giao:

1. Ông: Chức vụ: (Chủ tài sản).
2. Ông: Chức vụ:
3. Ông: Chức vụ:

Bên nhận: Điện lực: thuộc Công ty Điện lực:

- 1 - Ông:
- 2 - Ông:
- 3 - Ông:

Sau khi

..... hai Bên giao và nhận
thống nhất các số liệu cơ bản giao nhận LĐHANT như sau:

I. KHỐI LƯỢNG TÀI SẢN LƯỚI ĐIỆN HẠ ÁP NÔNG THÔN BÀN GIAO (Ghi lại):

Tên và khối lượng chi tiết từng tài sản LĐHANT bàn giao được xác định theo Biên bản
Giao nhận LĐHANT giữa hai bên Giao Nhận đã ký ngày..... tháng năm tại
.....
.....

Tổng cộng khối lượng LĐHANT bàn giao, gồm: Chiều dài (km).

II. XÁC ĐỊNH CƠ CẤU CÁC NGUỒN VỐN ĐÃ ĐẦU TƯ CÔNG TRÌNH:

1. Trường hợp nguồn vốn có đủ chứng từ gốc:

Tổng giá trị nguyên giá: đồng. Trong đó:

- Vốn từ ngân sách trung ương, địa phương, vốn từ nguồn thuế tài nguyên để lại cho địa phương, vốn các Dự án từ nguồn ngân sách, vốn từ nguồn thuế nông nghiệp được miễn để đầu tư xây dựng công trình điện, và phần vốn không xác minh được nguồn gốc: đồng.
- Vốn của cá nhân, tổ chức đồng, chiếm tỷ lệ so với nguyên giá: (..... %).
- Vốn vay:
 - Vốn vay của dân có cam kết trả (theo giấy vay nợ): đồng.
 - Vốn vay của Ngân hàng (có khế ước vay): đồng.
 - Vốn vay của các tổ chức kinh tế khác (theo Hợp đồng vay): đồng.
 - Vốn huy động của dân: đồng, tỷ lệ so với nguyên giá: (..... %).
 - Nợ thi công (nếu có): đồng.
 - Riêng phần vốn vay của tổ chức nước ngoài do địa phương và EVN thống nhất
- **Tổng GTCL của tài sản giao, nhận:** đồng.

2. Trường hợp các nguồn vốn không có đủ hồ sơ chứng từ gốc:

Lập biên bản xác định cơ cấu các nguồn vốn (Phụ lục 1.4 đính kèm), có xác nhận của HĐND địa phương.

3. Xác định vốn hoàn trả:

- Vốn của cá nhân, tổ chức đồng, chiếm tỷ lệ so với nguyên giá: (..... %).
- Vốn vay:
 - o Vốn vay của dân có cam kết trả (theo giấy vay nợ): đồng.
 - o Vốn vay của Ngân hàng (có khế ước vay): đồng.
 - o Vốn vay của các tổ chức kinh tế khác (theo Hợp đồng vay): đồng.
 - o Vốn huy động của dân: đồng, tỷ lệ so với nguyên giá: (..... %).
 - o Nợ thi công (nếu có): đồng.

Tổng cộng vốn hoàn trả: đồng.

(Bằng chữ:)

BÊN NHẬN KÝ

BÊN GIAO KÝ

PHẦN THẨM ĐỊNH VÀ KẾT LUẬN CỦA HỘI ĐỒNG ĐỊNH GIÁ TS CẤP TỈNH

Ghi chú: Đề nghị UBND cấp tỉnh phê duyệt hoặc yêu cầu bên Giao (cá nhân, tập thể) tiếp tục hoàn chỉnh hồ sơ hoàn trả vốn đầu tư hoặc ghi các ý kiến chưa được Hội đồng nhất trí:

.....
.....
.....

Đề nghị UBND Tỉnh phê duyệt nguồn vốn đầu tư của cá nhân, tập thể theo giá trị còn lại là đồng.

(Bằng chữ). Trong đó:

- Vốn huy động của cá nhân: đồng.
- Vốn đầu tư của tập thể: đồng.

Biên bản này lập thành 06 bản: 03 bản để báo cáo Bộ Công Thương, Bộ Tài chính và UBND cấp tỉnh, 01 bản lưu HĐĐGTS, 2 bản gửi bên Giao & bên Nhận để thực hiện ./.

CÁC UỶ VIÊN HỘI ĐỒNG

(Ký & ghi rõ họ tên)

1.
2.
3.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

(Ký tên & đóng dấu)

PHÊ DUYỆT CỦA CHỦ TỊCH UBND CẤP TỈNH